TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2017
Về tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 352/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017, về *"Tranh chấp ly hôn"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2017/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thái Thị P**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Tạm trú: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Trịnh Văn H**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017 và trong quá trình thanh gia tố tụng, chị P trình bày:

Chị và anh Trịnh Văn H tự quen biết tìm hiểu với nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 1988. Sau đó có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban Nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 16/10/2002.

Trong thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc có hai con chung tên Trịnh Văn G, sinh năm 1989 và Trịnh Văn S, sinh năm 1995, hiện đã thành niên. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Thời gian sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm từ đó vợ chồng thường xuyên cự cải và ông H có mối quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, nên vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay.

Nay chị Thái Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn H.

Về con chung: Có hai con chung tên Trịnh Văn G, sinh năm 1989 và Trịnh Văn S, sinh năm 1995, đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn, anh H Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa xét xử nên Tòa án không lấy lời khai của anh được và anh cũng không nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gì để phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị P.

Vì vậy Tòa án cũng không thể kết luận được những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất và không thống nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh H vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc nguyên đơn chị P có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị P xác lập quan hệ vợ chồng với anh H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Theo chị P trình bày thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm từ đó vợ chồng thường xuyên cự cải; ngoài ra anh H quan hệ với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài, do đó vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay nhưng không thể tự hàn gắn, đoàn tụ lại được. Cho nên tình trạng hôn nhân giữa anh, chị không còn hạnh phúc, mục đích

hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc chị P yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh H là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy hai con chung tên Trịnh Văn G, sinh năm 1989 và Trịnh Văn S, sinh năm 1995, đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thái Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thái Thị P được ly hôn với anh Trịnh Văn H.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Trịnh Văn G, sinh năm 1989 và Trịnh Văn S, sinh năm 1995 đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thái Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí hôn và gia đình), nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011506, ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; chị P đã nộp đủ án phí.

Anh Trịnh Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí hôn và gia đình).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã H**;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Tiên Nghiệm